

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2022/HNGĐ – ST

Ngày: 16-8- 2022

“V/v xin ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Thanh

Bà Trần Thị Mỹ Trang

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoàng Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: không tham gia phiên tòa

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 191/2022/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022, về việc: “*Xin ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2022/QĐST – HNGĐ, ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **Chị Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp PTA, xã NP, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Hiện trú: ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

*** Bị đơn:** **Anh Phan Minh Đ**, sinh năm: 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp PTA, xã NP, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Nguyên vào năm 2012, chị và anh Phan Minh Đ tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NP, huyện M, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 04/02/2012.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận đến khoảng đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên gây cãi, mâu thuẫn ngày càng gay gắt; nguyên nhân khi chị có thai 5 tháng thì anh Đ quen với người phụ nữ khác, đến khi sinh con chị mới hay. Sau khi chị sinh con được 5 tháng thì anh Đ cũng không về thăm con một lần, chị gọi điện thăm ban ngày thì anh nói chuyện qua loa vài câu rồi cúp máy, buổi tối chị gọi điện thì anh Đ không nghe máy nên chị đã về nhà cha mẹ ruột tại ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long sinh sống và ly thân với anh Đ từ đó đến nay. Kể từ đó vợ chồng mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm gì đến nhau. Nay chị cảm thấy tình cảm giữa chị với anh Đ không còn nữa, quá thất vọng và mất niềm tin, vợ chồng không

thể hàn gắn lại được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Phan Minh Đ. Con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Phan Ngọc Huyền T, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2013 và Phan Ngọc Quế T1, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2021, hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, chưa yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 27 tháng 6 năm 2022 bị đơn anh Phan Minh Đ trình bày: về quan hệ hôn nhân, con chung như chị H trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng anh thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, có cự cãi, chị H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống với hai con từ đầu năm đến nay. Sau khi chị H sinh con thì do dịch bệnh nên anh không về thăm vợ con được; những tin nhắn qua lại mà vợ anh bắt gặp thì anh thừa nhận nhưng chỉ cho vui chứ không phải là thật. Anh có gọi điện thoại cho vợ để mong hàn gắn nhưng vợ không nghe máy, anh đến thăm thì vợ không nói chuyện; từ đó, anh không đến thăm nữa. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý; lý do là anh còn thương vợ thương con không muốn ly hôn. Về con chung trường hợp yêu cầu ly hôn của vợ anh được Tòa án chấp nhận thì chị H nuôi được thì nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con. Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Phan Minh Đ vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Phan Minh Đ được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2012, chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Phan Minh Đ kết hôn theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NP, huyện M, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 04/02/2012. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị H và anh Đ là hôn nhân hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống chị H cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận đến khoảng đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên gây cãi, mâu thuẫn ngày càng gay gắt nguyên nhân do anh Đ quen với người phụ nữ khác, khi chị sinh con được 5 tháng thì anh Đ cũng không về thăm con một lần, chị đã về nhà cha mẹ ruột tại ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long sinh sống và vợ chồng không sống chung với nhau khoảng 06 - 07 tháng nay. Anh Đ thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và chị H đã về cha mẹ ruột sống từ đầu năm 2022 đến nay nhưng theo yêu cầu ly hôn của chị H anh không đồng ý, anh xin đoàn tụ. Tuy nhiên anh Đ không có biện pháp khắc phục cũng như thiện chí để vợ chồng đoàn tụ vì từ khi Tòa án thụ lý giải quyết anh Đ chỉ đến Tòa án một lần và sau đó cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh Đ đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay chị H trình bày thì từ khi có đơn xin ly hôn gửi Tòa

án đến nay thì vợ chồng chị cũng không có biện pháp nào khắc phục tình cảm vợ chồng, chị H cương quyết ly hôn với anh Đ. Do đó chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Đ trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn được, nên xét chị H yêu cầu ly hôn với anh Đ là có căn cứ phù hợp với Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Phan Ngọc Huyền T, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2013 và Phan Ngọc Quế T1, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2021, hiện đang sống với chị H, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng. Xét quá trình Tòa án giải quyết cháu Huyền T cũng có nguyện vọng sống với chị H nếu cha mẹ ly hôn, đối với bé Quế T1 còn quá nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ. Do đó Hội đồng xét xử giao hai con chung là Quế T1 và Huyền T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con do chị H chưa yêu cầu nên không xem xét.

[4] Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với anh Phan Minh Đ

2/ Về con chung: Giao hai con chung là Phan Ngọc Huyền T, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2013 và Phan Ngọc Quế T1, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2021 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bên trực tiếp nuôi dưỡng chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số No 0007169 ngày 03 tháng 6 năm 2022, chị H không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./..

Nơi nhận:

- TAT;
- VKSNDHMT;
- THADSHMT
- UBND xã NP;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Tám